

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Phương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng

2. Bà Trần Thị Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Đào Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Trương Thành L**, sinh năm 1988

ĐKKH: P2040 HH4C L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: số I, ngõ A, đường L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- **Bị đơn:** Chị **Dương Thị N**, sinh năm 1990

ĐKKH: tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: căn hộ C, tòa B khu nhà ở xã hội, tổ F, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(anh L, chị N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn - anh Trương Thành L trình bày:**

Anh và chị Dương Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình ngày 17/07/2013. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, hai bên bất đồng quan điểm sống trong việc quản lý tài chính và nuôi dạy con dẫn đến thường xuyên cãi vã. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh và chị N đã nói chuyện với nhau tìm cách giải quyết và cũng được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Trương Tuấn M, sinh ngày 17/10/2014 và Trương Bình M1, sinh ngày 28/10/2018. Hiện hai con đang sống với chị N tại Thái Bình. Anh làm việc tại Công ty cổ phần O tại Hà Nội, thu nhập hàng tháng từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, anh hiện thuê nhà và có chỗ ở ổn định, công việc của anh làm giờ hành chính từ thứ hai đến thứ 6, đủ điều kiện để nuôi con. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con Trương Tuấn M cho anh nuôi dưỡng và giao con Trương Bình M1 cho chị N nuôi dưỡng, anh và chị N không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về quan hệ tài sản: Về tài sản chung và nợ chung anh và chị N tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn - chị Dương Thị N trình bày:**

Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như anh Trương Thành L đã trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống giữa chị và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, sống thiếu trách nhiệm với gia đình và nhiều lần đánh đập vợ ngay trước mặt con và hàng xóm. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị và anh L sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người tự lo liệu cuộc sống riêng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể cứu vãn được hôn nhân gia đình nên anh L xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Trương Tuấn M, sinh ngày 17/10/2014 và Trương Bình M1, sinh ngày 28/10/2018. Hiện hai con đang sống cùng chị và theo học tại trường Tiểu học K, thành phố T. Kể từ tháng 10/2024 đến nay anh L không thực hiện đầy đủ trách nhiệm với con cái, không đến thăm con, không chăm sóc con và cũng không gửi tiền để cùng chị nuôi con.

Chị hiện đang làm việc tại Công ty TNHH T tại Thái Bình, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng, công việc của chị làm giờ hành chính, nghỉ hai ngày thứ 7, chủ nhật cuối tuần và không đi công tác tỉnh ngoài. Chị có chỗ

ở ổn định và sống cùng mẹ đẻ, bà luôn hỗ trợ chị trong việc chăm sóc các con. Hai con đang sống cùng chị khỏe mạnh, phát triển tốt, nếu giao con cho anh L nuôi thì con sẽ phải thay đổi môi trường sống và học tập, điều đó sẽ làm xáo trộn cuộc sống và ảnh hưởng đến tâm lý của con. Mặt khác, điều kiện công việc của anh L thường phải đi sớm, về muộn và đi công tác thường xuyên, anh L không thể đảm bảo việc chăm sóc cũng như đưa đón con đi học. Trong quá trình chung sống anh L đã nhiều lần đánh chị ngay trước mặt các con; sau khi sống ly thân anh L nhiều lần gọi điện, nhắn tin chửi mắng, đe dọa chị; chị lo sợ con sống với anh L sẽ bị ảnh hưởng bởi cách hành xử tiêu cực của anh L. Do đó, chị đề nghị Tòa án xem xét giao cả hai con Trương Tuấn M và Trương Bình M1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Về tài sản chung và nợ chung chị và anh L tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án, cháu Trương Tuấn M trình bày: Trường hợp bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ và em trai.*

Cháu Trương Bình M1 có đơn trình bày gửi Tòa án với nội dung: nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở với mẹ và anh.

** Tại biên bản xác minh ngày 10 tháng 3 năm 2025, đại diện Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T và tổ dân phố cung cấp:*

Chị Dương Thị N cùng hai con và mẹ đẻ là bà Trần Thị H thuê căn hộ tại Khu nhà ở xã hội, tổ F, phường Q, thành phố T và sinh sống tại đây từ cuối năm 2024. Theo tổ dân phố được biết thì chị N có chồng là anh Trương Thành L, hiện anh L đang sống và làm việc tại Hà Nội. Trong thời gian chị N và hai con sinh sống tại đây thì anh L chưa đến căn hộ của chị N bao giờ. Việc vợ chồng chị N có mâu thuẫn thế nào tổ dân phố không nắm được, nay anh L xin ly hôn chị N, đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị N và anh L có hai con chung là cháu Trương Tuấn M, sinh năm 2014 và Trương Bình M1 sinh năm 2018. Hiện cả hai cháu đang sống cùng mẹ và bà ngoại, do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Trường hợp anh L, chị N ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giao hai con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng vì các cháu đang ở với mẹ ổn định, khỏe mạnh.

Về tài sản, anh L chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, địa phương không có ý kiến gì.

** Tại đơn đề nghị đề ngày 21/2/2025, bà Trần Thị H (mẹ đẻ chị N) trình bày:*

Từ năm 2014, khi chị N sinh con đầu lòng là cháu Trương Tuấn M bà đã lên Hà Nội sống cùng anh L, chị N và phụ giúp các con trông nom cháu. Cuối năm

2023, chị N cùng hai con quay về Thái Bình, anh L tiếp tục ở lại Hà Nội làm việc, trong suốt thời gian từ đó đến nay bà vẫn luôn quan tâm, giúp đỡ anh L, chị N trong việc chăm sóc cháu. Nay anh L và chị N xin ly hôn, là mẹ bà không muốn các con ly hôn. Trường hợp anh chị kiên quyết ly hôn, bà đề nghị Tòa án xem xét giao hai con cho chị N nuôi dưỡng vì các cháu còn nhỏ, rất cần có sự chăm sóc của mẹ.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Thành L và chị Dương Thị N thuận tình ly hôn.

+ Về con chung: Giao chị Dương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Trương Tuấn M, sinh ngày 17/10/2014 và Trương Bình M1, sinh ngày 28/10/2018. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản: Anh L, chị N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Anh Trương Thành L, chị Dương Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Thành L khởi kiện xin ly hôn, đề nghị giải quyết về con chung với chị Dương Thị N, đăng ký hộ khẩu: tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: căn hộ C, tòa B khu nhà ở xã hội, tổ F, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trương Thành L và chị Dương Thị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp

pháp. Sau khi kết hôn anh L, chị N chung sống hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, hai bên bất đồng quan điểm sống trong việc quản lý tài chính và nuôi dạy con dẫn đến thường xuyên cãi vã; vợ chồng không còn yêu thương và tin tưởng lẫn nhau. Dù đã được gia đình động viên, hòa giải nhưng anh, chị cũng không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm. Anh L, chị N đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2024 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mỗi bên tự lo liệu cuộc sống riêng. Anh L xin ly hôn, chị N đồng ý ly hôn, điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Trương Thành L được ly hôn chị Dương Thị N.

[2.2] Quan hệ con chung: Anh Trương Thành L và chị Dương Thị N có 02 con chung là Trương Tuấn M, sinh ngày 17/10/2014 và Trương Bình M1, sinh ngày 28/10/2018; hiện hai con đang do chị N nuôi dưỡng. Ly hôn, anh L có nguyện vọng được nuôi con Trương Tuấn M và giao chị N nuôi con Trương Bình M1; chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai con. Cháu Trương Tuấn M và Trương Bình M1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Xét về điều kiện kinh tế, cả anh L và chị N đều có việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của con. Theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 6, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì “*quyền lợi về mọi mặt của con*” gồm các tiêu chí như: điều kiện, khả năng của cha mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con; quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi dưỡng; sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ; sự quan tâm của cha, mẹ đối với con; bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con; nguyện vọng của con được sống chung với cha hoặc mẹ; nguyện vọng của con được ở cùng với anh, chị, em để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con. Trên cơ sở đánh giá khách quan, toàn diện các tiêu chí theo quy định, Hội đồng xét xử thấy rằng: chị N có chỗ ở ổn định, có sự giúp đỡ của mẹ đẻ trong việc chăm sóc con chung; hai con hiện đang sống với chị N khỏe mạnh và phát triển tốt. Để hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, học tập và tạo điều kiện cho các con được sống cùng nhau, anh em được yêu thương, chăm sóc lẫn nhau cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con Trương Tuấn M, Trương Bình M1 là phù hợp pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con.

Tại phiên tòa, chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản: Anh Trương Thành L, chị Dương Thị N tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Trước khi mở phiên tòa, anh L, chị N tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung mà Tòa án xét xử và ra bản án nên anh, chị phải chịu 50% mức án phí theo quy định đối với yêu cầu xin ly hôn; anh L tự nguyện chịu cả án phí ly hôn.

[2.5] Về quyền kháng cáo: anh Trương Thành L, chị Dương Thị N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trương Thành L được ly hôn chị Dương Thị N.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Dương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trương Tuấn M, sinh ngày 17/10/2014 và Trương Bình M1, sinh ngày 28/10/2018; việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh Trương Thành L có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh L, chị N có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trương Thành L tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000 đồng anh L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000910 ngày 12 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; trả lại anh L số tiền 150.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Anh Trương Thành L, chị Dương Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- UBND xã Phú Xuân (GCNKH số 37 ngày 17/7/2013);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Minh Phương